

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300133049 đăng ký lần đầu ngày 15/9/2010 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/6/2021.
- Vốn điều lệ: 41.711.750.000 đồng.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 41.711.750.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Số điện thoại: 0214.3841.038
- Số Fax: 0214.3841.038
- Website: moitruongdothilaocai.com.vn
- Mã cổ phiếu: MLC.
- Ngày giao dịch đầu tiên (trên thị trường Upcom): 23/5/2017.

Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Ngày 04/6/1993, Công ty phục vụ công cộng thị xã Lào Cai được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/11/1993, nhiệm vụ chủ yếu là công tác vệ sinh môi trường trên phần diện tích quy mô nhỏ tại địa bàn thị xã Lào Cai.

Tháng 9/1998, Công ty chuyển đổi phương thức hoạt động từ đơn vị hành chính sự nghiệp sang doanh nghiệp Nhà nước. Tổng số vốn điều lệ là 2.168.244.400 đồng, với ngành nghề kinh doanh chính là thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, thoát nước đô thị, quản lý, duy tu các công trình công cộng và làm các dịch vụ về vệ sinh, môi trường.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sự gia tăng về rác thải và nguy cơ ô nhiễm môi trường ở một số huyện thị có khu du lịch lớn, Công ty đã mở rộng thị trường cung ứng dịch vụ tới các khu đô thị trọng yếu của tỉnh: Thị

trần Sa Pa (2001) nay là thị xã Sa Pa; thị trấn Bát Xát (2003); thị trấn Bắc Hà (2006) và Khởi dịch vụ công sở (2009).

Tháng 4/2010 chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai với số vốn điều lệ là 10.673.000.000 đồng; hoạt động chủ yếu là thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; quản lý chăm sóc hệ thống cây xanh đô thị; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; duy tu, bảo dưỡng giao thông, thoát nước đô thị; phun nước chống bụi đường; quản lý nghĩa trang nhân dân và các dịch vụ về môi trường.

Ngày 31/12/2015 Công ty tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương, giá đấu thành công bình quân là 10.019 đồng/ 1 cổ phiếu.

Ngày 04/4/2016 Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo giấy đăng ký Doanh nghiệp số 462/CP, mã số doanh nghiệp 5300133049 với vốn điều lệ 41.711.750.000 đồng.

Ngày 12/12/2016 Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 189/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 4.171.175 cổ phiếu.

2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 1 | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa | 0118 |
| 2 | Trồng cây hàng năm khác | 0119 |
| 3 | Trồng cây ăn quả | 0121 |
| 4 | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm | 0128 |
| 5 | Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây xanh đô thị; trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa. | 0129 |
| 6 | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm | 0131 |
| 7 | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm | 0132 |
| 8 | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp | 0150 |
| 9 | Hoạt động dịch vụ trồng trọt | 0161 |
| 10 | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch | 0163 |
| 11 | Xử lý hạt giống để nhân giống | 0164 |

| | | |
|----|--|-----------------|
| 12 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp | 0210 |
| 13 | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp | 0240 |
| 14 | Khai thác thủy sản nội địa | 0312 |
| 15 | Nuôi trồng thủy sản nội địa | 0322 |
| 16 | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hóa, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản. | 2023 |
| 17 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 2511 |
| 18 | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại | 2512 |
| 19 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 2592 |
| 20 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 21 | Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Vận hành và sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông và đài phun nước. | 3314 |
| 22 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 |
| 23 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3600 |
| 24 | Thoát nước và xử lý nước thải | 3700 |
| 25 | Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu. | 3811 (Chính) |
| 26 | Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt, chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp. | 3812 |
| 27 | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu. | 3821 |
| 28 | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp. | 3822 |
| 29 | Tái chế phế liệu | 3830 |

| | | |
|----|--|------|
| 30 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm, ao. | 3900 |
| 31 | Xây dựng nhà để ở | 4101 |
| 32 | Xây dựng nhà không để ở | 4102 |
| 33 | Xây dựng công trình đường bộ | 4212 |
| 34 | Xây dựng công trình điện | 4221 |
| 35 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước | 4222 |
| 36 | Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường. | 4229 |
| 37 | Phá dỡ | 4311 |
| 38 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 39 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 40 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
| 41 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | 4329 |
| 42 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 43 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 44 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác | 4520 |
| 45 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống | 4620 |
| 46 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ công tác môi trường. | 4659 |
| 47 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại hóa phẩm và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải. | 4669 |
| 48 | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ | 4789 |
| 49 | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu | 4799 |

| | | |
|----|---|------|
| 50 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 51 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 52 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng | 5621 |
| 53 | Dịch vụ phục vụ đồ uống | 5630 |
| 54 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở. | 6810 |
| 55 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn thiết kế các công trình xây dựng, cây xanh đô thị, rừng, điện chiếu sáng. | 7110 |
| 56 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 57 | Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Dịch vụ tuần tra và bảo vệ. | 8010 |
| 58 | Vệ sinh chung nhà cửa | 8121 |
| 59 | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt | 8129 |
| 60 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan | 8130 |
| 61 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề | 9321 |
| 62 | Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ | 9632 |
| 63 | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học | 3313 |

- Địa bàn hoạt động: Tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

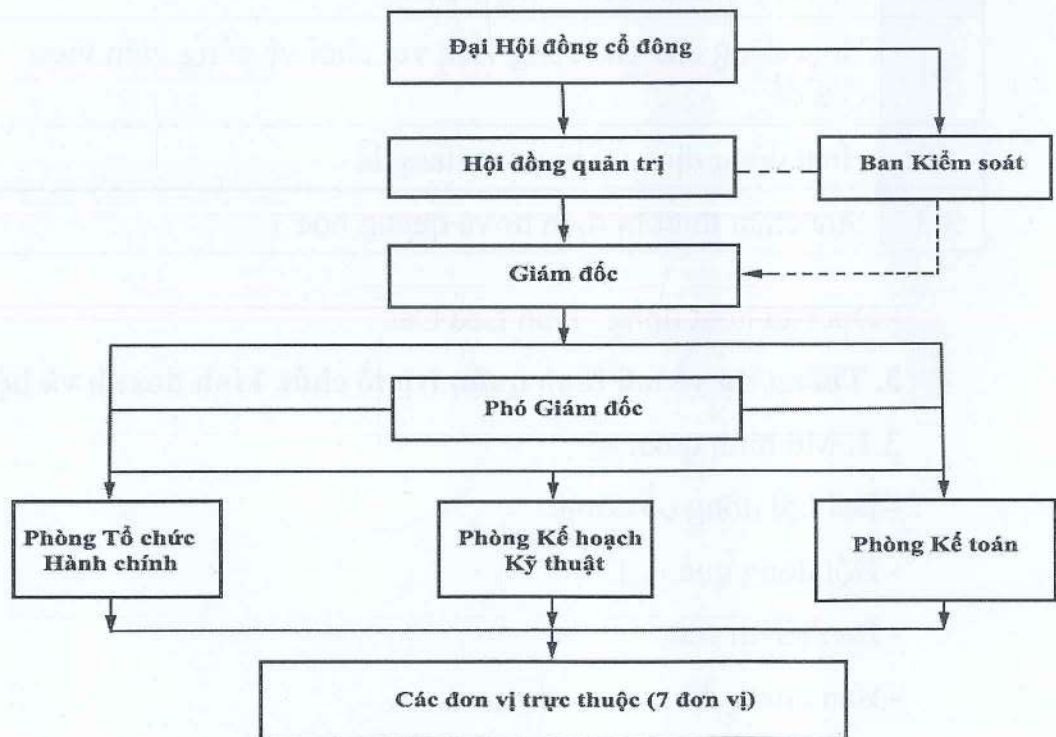
- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty có 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc khối Văn phòng và 07 đơn vị trực thuộc hoạt động trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà và huyện Bát Xát.

- Danh sách các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc, gồm:

| TT | Tên phòng, đơn vị trực thuộc | Địa chỉ trụ sở làm việc |
|----|--|--|
| 1 | Phòng Tổ chức Hành chính | Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, P. Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |
| 2 | Phòng Kế hoạch Kỹ thuật | |
| 3 | Phòng Kế toán | |
| 4 | Xí nghiệp Môi trường TP. Lào Cai | Số 071 phố Lê Văn Thiêm, tổ 2, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai |
| 5 | Xí nghiệp Công viên - Cây xanh | |
| 6 | Xí nghiệp Cơ điện - Dịch vụ | |
| 7 | Xí nghiệp Xử lý rác thải thành phố Lào Cai | Thôn Tông Mòn 1, xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai |
| 8 | Xí nghiệp Môi trường Sa Pa | Số 065, đường Thạch Sơn, tổ 3 phường Sa Pa, thị xã Sa Pa, T Lào Cai |
| 9 | Xí nghiệp Môi trường Bắc Hà | Thôn Nậm Sắt 4, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai |
| 10 | Xí nghiệp Môi trường Bát Xát | Tổ 7, đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai |

Sơ đồ bộ máy



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Công ty luôn phấn đấu và tiếp tục duy trì là Doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Chất lượng dịch vụ và thái độ phục vụ luôn được trú trọng hàng đầu;
- Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đóng góp của các cổ đông;
- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong Công ty, gắn mục tiêu phát triển Công ty với lợi ích Nhà nước và lợi ích cổ đông;
- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý và điều hành doanh nghiệp;
- Xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, tay nghề cao, nội bộ đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;
- Mở rộng địa bàn, ngành nghề kinh doanh; nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ và kinh doanh có hiệu quả;
- Trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích đô thị tại thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà và huyện Bát Xát là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty;
- Xem xét đầu tư có trọng điểm để nâng cao khả năng cạnh tranh của mảng dịch vụ công ích đô thị có nguồn thu không từ ngân sách Nhà nước; tiền đến doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào bảo toàn nguồn vốn, nâng cao lợi nhuận, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của tỉnh Lào Cai, Công ty sẽ xem xét đầu tư xây dựng các dự án để phục vụ cho việc thu gom và xử lý rác thải phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong các năm tiếp theo;
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, thường xuyên đổi mới, áp dụng khoa học công nghệ trong lao động sản xuất để nâng cao năng suất, từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp; hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, thực hiện công tác quy hoạch cán

bộ đến năm 2025. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tiếp theo;

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Hoạt động kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu của các cổ đông; đầu tư hiệu quả các dự án; nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh và uy tín Doanh nghiệp trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích đô thị.

- Xác định các mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp gắn với trách nhiệm bảo vệ môi trường và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế: Việc tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ và tìm kiếm thêm công trình, phần việc rất khó khăn; việc hạn chế đầu tư công, thắt chặt trong chi tiêu đã ảnh hưởng đến quá trình đầu tư xây dựng, cắt giảm chi phí, đầu tư trong việc duy trì dịch vụ công ích đô thị đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

5.2. Rủi ro về pháp luật: Hệ thống văn bản pháp luật chưa hoàn thiện, hiệu lực thi hành yếu, bên cạnh đó còn thường xuyên sửa đổi, bổ sung,... ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

5.3. Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào: Giá nguyên, nhiên, vật liệu biến động mạnh và có chiều hướng tăng,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến chi phí đầu vào của Công ty và gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.4. Rủi ro về môi trường: Tình trạng ô nhiễm môi trường trong việc xả thải rác thải sinh hoạt, rác thải của hoạt động công nghiệp chưa được thu gom xử lý đúng quy định; tình trạng thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ các hoạt động sản xuất công nghiệp chưa được đầu tư xử lý triệt để gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Mặc dù, trong thời gian qua việc xả thải của các khu công nghiệp đã được Chính phủ và các địa phương tăng cường triển khai kiểm tra phát hiện và xử lý. Song, vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu sự phối hợp của các ban ngành liên quan.

5.5. Rủi ro khác: Các rủi ro nằm ngoài dự đoán và quá khả năng phòng chống của con người như chiến tranh, thiên tai, thời tiết, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Doanh nghiệp. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Ngay sau kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, HĐQT và Ban Giám đốc công ty đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội bằng việc chỉ đạo rà soát sắp xếp lại lao động; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đảm bảo hiệu quả,... Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty gặp không ít khó khăn do chi phí sản xuất tăng; hệ thống ga tập kết rác còn thiếu, đặc biệt tại thị xã Sa Pa chưa có ga tập kết rác;... đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ. Trước tình hình đó, HĐQT và Ban Giám đốc công ty đã có những giải pháp, biện pháp tiết kiệm tối đa mọi chi phí; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành; thay đổi phương thức tổ chức sản xuất; tiếp tục thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số, tận dụng công nghệ số để truyền thông giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của Công ty; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; mua sắm thêm thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ; nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra. Cụ thể một số chỉ tiêu sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Biểu 1.

Đơn vị tính: Triệu đồng.

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2022 (Điều chỉnh theo văn bản số 72/MTĐT ngày 27/5/2022) | Thực hiện năm 2022 | Tỷ lệ thực hiện (%) |
|-----|------------------------|--|--------------------|---------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 135.000 | 144.485 | 107,03 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 10.200 | 12.719 | 124,70 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 8.700 | 10.979 | 126,20 |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | 8.200 | 9.079 | 110,72 |

Tình hình tài chính: Công ty quản lý tài sản hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, có khả năng thanh toán các khoản nợ; tăng cường chỉ đạo thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tích cực công tác đối chiếu, thu hồi công nợ. Công tác tài chính kế toán được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của Luật kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

2. Tổ chức và nhân sự**2.1. Danh sách Ban điều hành***Biểu 2.*

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Chức vụ hiện nay | Trình độ chuyên môn | Số cổ phần có quyền biểu quyết | | | Tỷ lệ % |
|----|-----------------|---------------------|---------------------------------------|--------------------------|--------------------------------|------------|------------------|---------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | | CP cá nhân | Cổ phần Nhà nước | |
| 1 | Trần Quang Toàn | 25/3/1979 | Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty | KS: Lâm học; KS Xây dựng | 11.400 | 11.400 | | 0,27 |
| 2 | Hoàng Văn Phụng | 05/11/1964 | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty | Cử nhân Kinh tế | 15.744 | 15.744 | | 0,38 |
| 3 | Phạm Văn Tiên | 24/8/1967 | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty | Cử nhân Kinh tế | 8.844 | 8.844 | | 0,21 |
| 4 | Đặng Văn Giáp | 29/01/1973 | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng | Cử nhân Kinh tế | 16.544 | 16.544 | | 0,40 |

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Từ ngày 18/7/2022 Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm ông Trần Quang Toàn làm Giám đốc công ty.

2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên**a) Số lượng lao động***Biểu 4.*

| TT | Tiêu chí | Số lượng người | Tỷ trọng (%) |
|----------|----------------------------|----------------|--------------|
| I | Trình độ lao động: | 596 | |
| 1 | Đại học, trên đại học | 72 | 12,08 |
| 2 | Cao đẳng, trung cấp | 35 | 5,87 |
| 3 | Sơ cấp, công nhân kỹ thuật | 25 | 4,19 |

| | | | |
|-----------|--------------------|------------|-------|
| 4 | Lao động phổ thông | 464 | 77,86 |
| II | Giới tính | 596 | |
| 1 | Nam | 201 | 33,72 |
| 2 | Nữ | 395 | 66,28 |

b) Chính sách đối với người lao động

- Về tiền lương, tiền thưởng

Việc trả lương, trả thưởng được quy định trong Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty và theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Hàng năm, căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế Công ty sẽ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Quy chế trả lương, trả thưởng dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hệ số lương, mức lương, mức phụ cấp lương cho Người lao động.

Thu nhập bình quân của Người lao động năm 2022 đạt 10,74 triệu đồng/người/tháng và năm 2021 đạt 9,6 triệu đồng/người/tháng.

- Về công tác đào tạo

Công tác đào tạo để nâng cao trình độ cho người lao động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ luôn được Công ty quan tâm tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch. Công ty đã tổ chức cho 100% CBCNV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ATVSLĐ theo yêu cầu công việc và tổ chức đào tạo cho 172 lao động nâng cao trình độ tay nghề, hướng dẫn về kỹ thuật chuyên môn, an toàn lao động cho người lao động trong quá trình làm việc, đặc biệt là những lao động mới tuyển dụng, đã góp phần nâng cao trình độ về chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Công tác đời sống đối với CBCNV

Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật; luôn đảm bảo người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, như: Người lao động làm việc trong Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, được trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động và tham gia chế độ BHXH, BHYT, BHTN, lễ, tết phép, ốm đau, nghỉ chế độ; tổ chức khám sức khỏe định

kỳ và thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động theo đúng quy định; tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi ốm đau hay gặp khó khăn trong cuộc sống. Đồng thời, công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động VHVN, TDTT; tặng quà cho nữ CBCNV ngày Quốc tế phụ nữ 08/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và ngày Tết Trung thu,... Từ đó đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi, xây dựng tinh thần đoàn kết nội bộ và thúc đẩy người lao động thêm yêu ngành, yêu nghề, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài cho Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn trong năm

Đơn vị tính: Đồng.

| TT | Nội dung | Kế hoạch đầu tư năm 2022 | Kết quả đầu đến hết ngày 31/12/2022 |
|----|---|--------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Đầu tư mua sắm 20 xe điện 3 bánh thu gom rác | 700.000.000 | 0 |
| 2 | Xây dựng vườn ươm cây xanh đô thị tại thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa | 300.000.000 | 29.858.370 |
| 3 | Xây dựng Ga ra xe điện thu gom rác thải sinh hoạt tại thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa | 200.000.000 | 0 |
| 4 | Đầu tư lắp đặt máy ép nén viên phân hữu cơ Lào Cai | 150.000.000 | 91.260.000 |
| 5 | Đầu tư mua sắm thiết bị xử lý nước rỉ rác (Bãi chôn lấp rác Đồng Tuyển) | 3.400.000.000 | 0 |
| 6 | Các đầu tư khác | 500.000.000 | 374.086.051 |
| | Tổng cộng: | 5.250.000.000 | 495.204.421 |

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Biểu 5.

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 | Tăng giảm% |
|----|-----------------------------------|------|-----------------|-----------------|------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 83.911.849.165 | 94.705.058.225 | 12,86 |
| 2 | Doanh thu thuần | Đồng | 129.732.947.845 | 143.943.577.501 | 10,95 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Đồng | 11.104.396.851 | 12.765.702.842 | 14,54 |
| 5 | Lợi nhuận khác | Đồng | (65.089.878) | (45.811.093) | (29,62) |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 11.039.306.973 | 12.719.891.749 | 15,22 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 9.487.511.519 | 10.979.228.168 | 15,72 |
| 8 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | % | 13 | 13 | 0% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Biểu 6.

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 |
|---|------|----------|----------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,805 | 1,857 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 1,710 | 1,775 |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản | % | 37,125 | 40,285 |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 71,992 | 83,738 |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | vòng | 37,163 | 38,871 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | vòng | 1,546 | 1,520 |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |

| | | | |
|--|---|--------|--------|
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 7,313 | 7,627 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 21,925 | 24,098 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 11,307 | 11,593 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | % | 8,559 | 8,869 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.171.175 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông.
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 3.483.075 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 688.100 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông của Công ty

Biểu 7.

| TT | Loại cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----|---|------------------|------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 4.171.175 | 100 |
| 1.1 | Cổ đông tổ chức | 2.419.281 | 58 |
| - | <i>Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai</i> | <i>2.127.299</i> | <i>51</i> |
| - | <i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hiệp Hòa</i> | <i>291.982</i> | <i>7</i> |
| 1.2 | Cổ đông cá nhân | 1.751.894 | 42 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 |
| 3 | Tổng cộng: | 4.171.175 | 100 |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình, đảm bảo về số lượng, chất lượng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Công ty làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng, điện trang trí trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà và huyện Bát Xát theo đúng Phương án của tỉnh; luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân, đảm bảo ANTT và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh công ty luôn quán triệt đến CBCNV nêu cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng; lựa chọn thiết bị hiện đại, tiêu hao ít năng lượng thay thế dần cho thiết bị lạc hậu, kém hiệu quả từ đó đã góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất, chất lượng công việc và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động tại các địa điểm văn phòng làm việc sử dụng nước máy của Công ty Cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai cung cấp; nguồn nước phục vụ rửa đường, tưới cây xanh đô thị Công ty sử dụng nguồn nước giếng với sự quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định giữ gìn và bảo vệ môi trường theo quy định.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động

- Tổng số lao động bình quân là 596 người;

- Mức lương bình quân năm 2022 đạt 10,74 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động liên quan đến người lao động

Được quy định cụ thể trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Trong năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định; thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật; trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định; tổ chức kèm cặp bổ sung kiến thức, tay nghề nâng bậc lương, tổ chức huấn luyện ATVSLĐ theo định kỳ hàng năm; giải quyết, chi trả kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, phép và trợ cấp khó khăn cho người lao động; tổ chức thăm hỏi, tặng

quà cho gia đình khó khăn, gia đình chính sách, các cháu tật nguyền và thăm hỏi hiếu, hi, ốm đau kịp thời đến người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Trong năm 2022 Công ty đã tổ chức cho 100% CBCNV tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về ATVSLĐ theo yêu cầu công việc và tổ chức đào tạo cho 172 lao động nâng cao trình độ tay nghề, hướng dẫn về kỹ thuật chuyên môn, an toàn lao động cho người lao động trong quá trình làm việc, đặc biệt là những lao động mới tuyển dụng. Ngoài ra, cán bộ, nhân viên của các phòng, ban cũng thường xuyên được cử đi học các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ, tay nghề; tham dự các hội thảo, hội nghị nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Trong năm, Công ty đã tích cực tham gia công tác chính sách - xã hội và đền ơn đáp nghĩa như: Tổ chức tặng quà cho gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có con bị tật nguyền trong dịp Lễ, Tết; thực hiện giúp đỡ xã Bản Liên, huyện Bắc Hà trong chương trình giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; tham gia quyên góp, ủng hộ quỹ nhân đạo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, ngày vì người nghèo, quỹ học bổng khối thi đua, hỗ trợ người lao động trong đơn vị có hoàn cảnh khó khăn,...

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan

Trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD của Công ty (được tóm tắt tại biểu 1) cùng các chỉ tiêu tài chính đạt được (biểu 5), Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Ban Giám đốc Công ty đưa ra một số ý kiến đánh giá như sau: Chỉ tiêu đạt được đều vượt với kế hoạch đề ra và tăng hơn thực hiện năm trước, cụ thể: Doanh thu đạt 107,03% so với kế hoạch năm 2022 và tăng 10,93% so với thực hiện năm 2021; lợi nhuận trước thuế đạt 124,70% so với kế hoạch và tăng 14,96% so với thực hiện năm 2021; nộp ngân sách đạt 110,72% so với kế hoạch năm 2022 và giảm 7,63% so với thực hiện năm 2021 (do thay đổi giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng xuống còn 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 01/02/2022).

- Các chỉ tiêu kinh tế đạt được cho thấy tình hình quản trị doanh nghiệp tốt, hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra, bảo toàn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm qua, Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra đúng kế hoạch; bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, nhân vật lực, cải thiện điều kiện làm việc, tăng cường công tác quản lý điều hành, kiểm tra, giám sát,... thực hiện chuyển đổi số trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty, thúc đẩy tính sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong mỗi CBCNV, mua sắm trang thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành, tăng cường quảng bá sản phẩm dịch vụ trên môi trường số, tích cực nghiên cứu để đưa các sản phẩm, dịch vụ mới ra thị trường,... nhằm nâng cao công tác quản lý điều hành, năng suất lao động; giảm chi phí vận hành, tạo lợi thế cạnh, cải thiện chất lượng dịch vụ... Từ đó, chất lượng công tác môi trường đô thị tại các địa bàn Công ty đảm nhận luôn được duy trì đảm bảo; tạo đủ việc làm cho người lao động, đảm bảo 100% người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho người lao động giúp người lao động yên tâm công tác, luôn phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra.

- Hoạt động kinh doanh: Tăng cường chỉ đạo, điều hành, quản lý, giám sát thi công nên các công trình do công ty thực hiện luôn đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu; tăng cường tìm kiếm công trình, phần việc. Đồng thời, duy trì các hợp đồng dịch vụ chăm sóc cây xanh; ươm trồng cây, chủ động nguồn giống cung ứng sản phẩm cây giống chất lượng phục vụ việc duy trì cảnh quan đô thị và đáp ứng yêu cầu của thị trường; duy trì các hợp đồng dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải cho các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp; duy trì các dịch vụ như tang lễ, hút phốt, vệ sinh công sở, cơ khí sửa chữa; tăng cường quảng bá để bán sản phẩm dịch vụ để giới thiệu và bán hàng các sản phẩm dịch vụ của Công ty... Từ đó đã tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập cho người lao động và đóng góp vào kết quả SXKD của Công ty.

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại doanh nghiệp nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biểu 9.

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | | 31/12/2022 | | % tăng/ giảm |
|-------------------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|-----------------|
| | Giá trị (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | |
| Tài sản ngắn hạn | 56.239.935.114 | 67,02 | 70.840.388.654 | 74,80 | 25,96 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 17.971.394.157 | 21,42 | 28.640.024.287 | 30,24 | |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | | | | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 35.311.769.280 | 42,08 | 39.077.480.750 | 41,26 | |
| Hàng tồn kho | 2.956.771.677 | 3,52 | 3.122.883.617 | 3,30 | |
| Tài sản ngắn hạn khác | | | | | |
| Tài sản dài hạn | 27.671.914.051 | 32,98 | 23.864.669.571 | 25,20 | -13,76 |
| Các khoản phải thu dài hạn | | | | | |
| Tài sản cố định | 26.655.380.490 | 31,77 | 22.598.949.051 | 23,86 | |
| Bất động sản đầu tư | | | | | |
| Tài sản dở dang dài hạn | 0 | 0,00 | 19.143.150 | 0,02 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | | | | | |
| Tài sản dài hạn khác | 1.016.533.561 | 1,21 | 1.246.577.370 | 1,32 | |
| Tổng tài sản | 83.911.849.165 | 100,00 | 94.705.058.225 | 100,00 | 12,86 |

b) Tình hình nợ phải trả

Biểu 10.

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | | Năm 2022 | | % tăng/ giảm |
|-------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|-----------------|
| | Giá trị (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | |
| Nợ ngắn hạn | 31.152.239.631 | 100 | 38.151.872.285 | 100 | |
| Nợ dài hạn | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| Tổng nợ phải trả | 31.152.239.631 | 100,00 | 38.151.872.285 | 100,00 | 22,47 |

Cơ cấu nợ ngắn hạn

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | | Năm 2022 | |
|--|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
| | Giá trị (VNĐ) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (VNĐ) | Tỷ trọng (%) |
| Phải trả cho người bán ngắn hạn | 6.435.770.163 | 20,66 | 3.953.680.397 | 10,36 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 76.720.000 | 0,25 | 114.388.819 | 0,30 |
| Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước | 3.099.419.638 | 9,95 | 2.425.781.963 | 6,36 |
| Phải trả người lao động | 17.780.865.133 | 57,08 | 22.883.195.089 | 59,98 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 509.227.601 | 1,63 | 148.721.421 | 0,39 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 0 | 0,00 | 5.000.000.000 | 13,11 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.250.237.096 | 10,43 | 3.626.104.596 | 9,50 |
| Tổng Nợ ngắn hạn | 31.152.239.631 | 100,00 | 38.151.872.285 | 100,00 |

Công ty không có nợ phải trả xấu.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Để đạt được kết quả như đã trình bày trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã có định hướng đúng trong chiến lược SXKD, đồng thời chú trọng việc cải tiến hệ thống quản lý, ổn định tổ chức nhằm phù hợp điều kiện và tình hình thực tế tại Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ kỹ thuật, tay nghề cho người lao động; khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục duy trì và phát triển các ngành nghề SXKD đã đăng ký và đang thực hiện. Cơ cấu, lựa chọn ngành nghề sản xuất kinh doanh phù hợp, trú trọng những ngành nghề mà Công ty có thế mạnh như vệ sinh môi trường, cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước đô thị, xử lý rác thải và các dịch vụ khác. Nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín và địa bàn đang hoạt động, khách hàng của Công ty, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động và tìm kiếm thêm khách hàng, đối tác khi có đủ điều kiện.

- Về quản lý tài chính: Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính của Công ty, quản lý tốt các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Về tổ chức bộ máy hoạt động: Duy trì ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị, tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ CBCNV có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đoàn kết thống nhất, yêu ngành yêu nghề, tận tâm vì mục tiêu phát triển đơn vị.

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến của kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong quá trình hoạt động, Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty luôn xem công tác bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công tác như: Ứng dụng công nghệ trong công tác giám sát phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn; sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng thấp, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm; quản lý và xử lý nước thải từ công trình, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, giấy, nước... Ngoài ra, Công ty còn đặt ra các mục tiêu môi trường cho từng đơn vị bộ phận tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định của Luật lao động. Tổ chức thực hiện tốt Thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế liên quan đến người lao động; thực hiện đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động theo quy định. Công tác chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động luôn được tập trung chú trọng; người lao động luôn được bố trí đủ việc làm, được giải quyết, chi trả đầy đủ chế độ chính sách theo quy định hiện hành như: Người lao động được ký kết hợp đồng lao động, được trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, quan trắc định kỳ môi trường làm việc... Chế độ BHXH, BHYT, BHTN, lễ, tết, phép, ốm đau luôn được chi trả kịp thời, đúng quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động theo đúng quy định; tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi ốm đau hay gặp khó khăn trong cuộc sống. Đồng thời, công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động VHVN, TDTT; tổ chức tặng quà cho nữ CBCNV nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và ngày Tết Trung thu..., tuyên truyền vận động CBCNV tích cực tham gia công tác từ thiện, quyên góp,

ủng hộ các loại quỹ do các cấp phát động,... Từ đó đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi, xây dựng tinh thần đoàn kết nội bộ và thúc đẩy người lao động thêm yêu ngành, yêu nghề, yên tâm công tác, cống hiến lâu dài cho Công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm cộng đồng và địa phương

Trong năm, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng và địa phương bằng các hoạt động từ thiện xã hội như: Giúp đỡ xã Bản Liền, huyện Bắc Hà xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; quyên góp, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ học bổng khối Thi đua; ủng hộ tết vì người nghèo, tết sum vầy; hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn xây dựng nhà ở,...Phát động các phong trào bảo vệ môi trường: Diễu hành tuyên truyền bảo vệ môi trường và phân loại rác tại nguồn; Giờ Trái đất; Chủ nhật xanh,...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, sự điều hành của Ban Giám đốc, sự nỗ lực của tập thể người lao động trong Công ty đã phấn đấu và thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã đề ra (số liệu được tóm tắt tại Biểu 1), cụ thể: Doanh thu đạt 107,03% so với kế hoạch năm 2022 và tăng 10,92% so với thực hiện năm 2021; lợi nhuận trước thuế đạt 124,70% so với kế hoạch và tăng 14,96% so với thực hiện năm 2021; nộp ngân sách đạt 110,72% so với kế hoạch năm 2022 và giảm 7,63% so với thực hiện năm 2021 (*do thay đổi giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng xuống còn 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 01/02/2022*).

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

- Về công tác điều hành

Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hàng tháng, báo cáo HĐQT tình hình điều hành và kết quả SXKD thông qua cuộc họp Giao ban để có cơ sở đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.

Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Về sản xuất, kinh doanh

Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định. Chỉ đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Về chính sách đối với người lao động

Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với người lao động. Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.

Quyền lợi của người lao động trong Công ty luôn được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ; kê khai nộp đầy đủ, kịp thời bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động được đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

- Về chấp hành pháp luật: Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2023

a) Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2023

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2022 | Kế hoạch năm 2023 |
|-----|------------------------------|-----------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tr. đồng | 144.485,65 | 147.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 12.719,89 | 12.720 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tr. đồng | 10.979,22 | 10.980 |
| 4 | Nộp ngân sách nhà nước | Tr. đồng | 9.079,18 | 8.500 |
| 5 | Thu nhập bình quân đầu người | Tr. đồng /người/tháng | 10,74 | 10,04 |
| 6 | Đầu tư, mua sắm | Tr. Đồng | 495,2 | 6.560 |

b) Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

- Thực hiện chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, theo kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị, sẽ tổ chức họp HĐQT mỗi quý 01 lần và họp bất thường khi cần thiết;

- Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà UBND tỉnh đã giao cho về lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà và huyện Bát Xát;

- Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, cán bộ theo hướng tinh gọn, phù hợp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã thông qua;

- Chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, như sau:

+ Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp;

+ Tổ chức triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát đảm bảo theo kế hoạch giao;

+ Chủ động tìm kiếm thêm việc làm nhằm tăng doanh thu cho doanh nghiệp và đảm bảo thu nhập cho người lao động trên nguyên tắc đúng quy định pháp luật và có hiệu quả;

+ Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, điều hành;

+ Rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy định, các tập định mức, đơn giá nội bộ; khoán nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển,... để các quy định, các tập định mức, đơn giá nội bộ này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Chức vụ hiện nay | Trình độ chuyên môn | Số cổ phần có quyền biểu quyết | | | |
|----|----------------|---------------------|---|---------------------|--------------------------------|-----------------|------------------|---------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | Tỷ lệ % |
| | | | | | | Cổ phần cá nhân | Cổ phần Nhà nước | |
| 1 | Ngô Văn Trường | 21/10/1971 | Chủ tịch HĐQT công ty, Người đại diện phần vốn NN | Kỹ sư Trồng trọt | 2.144.199 | 16.900 | 2.127.299 | 51,4 |

| | | | | | | | | |
|---|-----------------|------------|---------------------------------------|--------------------------|--------|--------|--|------|
| 2 | Trần Quang Toàn | 25/3/1979 | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty | KS: Lâm học; KS Xây dựng | 11.400 | 11.400 | | 0,27 |
| 3 | Hoàng Văn Phụng | 05/11/1964 | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty | Cử nhân Kinh tế | 15.744 | 15.744 | | 0,38 |
| 4 | Phạm Văn Tiên | 24/8/1967 | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty | Cử nhân Kinh tế | 8.844 | 8.844 | | 0,21 |
| 5 | Đặng Văn Giáp | 29/01/1973 | Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng | Cử nhân Kinh tế | 16.544 | 16.544 | | 0,40 |
| 6 | Phạm Văn Tân | 24/7/1961 | Thành viên HĐQT không điều hành | Kỹ sư Mỏ địa chất | 36.000 | 36.000 | | 0,86 |
| 7 | Đặng Anh Tuấn | 20/8/1979 | Thành viên HĐQT không điều hành | Cử nhân Quản lý Xã hội. | 7.944 | 7.944 | | 0,19 |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 17 cuộc họp để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|--------------------------|-------------------|---|
| 1 | Ông Ngô Văn Trường | 17/17 | 100% | |
| 2 | Ông Trần Quang Toàn | 13/17 | 82,35% | Được cử đi học tập chung lớp cao cấp LLCT |
| 3 | Ông Hoàng Văn Phụng | 16/17 | 94,11% | Có lý do |
| 4 | Ông Phạm Văn Tiên | 16/17 | 94,11% | Có lý do |
| 5 | Ông Đặng Văn Giáp | 17/17 | 100% | |

| | | | | |
|---|-------------------|-------|------|--|
| 6 | Ông Phạm Văn Tân | 17/17 | 100% | |
| 7 | Ông Đặng Anh Tuấn | 17/17 | 100% | |

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành 17 Nghị quyết và 30 Quyết định, cụ thể như sau:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|----------|----------------------------|------------|--|-----------------|
| A | Nghị quyết của HĐQT | | | |
| 1 | Số 01/NQ-HĐQT | 10/01/2022 | Thống nhất trích quỹ phúc lợi chi trong dịp Tết Nguyên đán 2022; trích kinh phí thăm hỏi tặng quà trong dịp Tết Nguyên đán 2022 cho xã Bản Liền, huyện Bắc Hà trong trương trình giúp đỡ xã xây dựng Nông thôn mới. | 100% |
| 2 | Số 02/NQ-HĐQT | 28/01/2022 | Trích quỹ phúc lợi hỗ trợ cho gia đình ông Phạm Văn Thành bị chết do tai nạn lao động ngày 26/01/2022 | 100% |
| 3 | Số 04/NQ-HĐQT | 09/02/2022 | Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 | 100% |
| 4 | Số 05/BB-HĐQT | 16/02/2022 | Họp bàn Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện quản lý lao động, tiền lương và xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2021 | 100% |
| 5 | Số 06/NQ-HĐQT | 01/3/2022 | - Thống nhất kiện toàn công tác tổ chức, cán bộ tại một số phòng, đơn vị trực thuộc. - Báo cáo tình hình quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021 - Mua sắm bổ sung xe điện 3 bánh cho các đơn vị | 100% |
| 6 | Số 07/NQ-HĐQT | 04/3/2022 | - Kế hoạch bảo lãnh ngân hàng năm 2022 cho các gói thầu cung cấp dịch vụ công ích đô thị - Giao cho ông Ngô Văn Trường – Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật ký các Hợp đồng với Chủ đầu tư trong trường hợp trúng các gói thầu: | 100% |

| | | | | |
|----|---------------|------------|---|------|
| | | | Cung cấp dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thị xã Sa Pa và trên địa bàn thành phố Lào Cai. - Đầu tư lắp đặt máy ép nén viên phân hữu cơ Lào Cai | |
| 7 | Số 08/NQ-HĐQT | 18/3/2022 | Thông nhất Báo cáo thường niên năm 2021, tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022. | 100% |
| 8 | Số 09/NQ-HĐQT | 22/3/2022 | Thông nhất thông qua quỹ tiền lương còn lại của năm 2021; dừng đầu tư lò đốt rác. | 100% |
| 9 | Số 10/NQ-HĐQT | 25/3/2022 | Thông nhất chi bổ sung tiền hỗ trợ cho ông Phạm Văn Thành bị chết do tai nạn lao động. | 100% |
| 10 | Số 11/NQ-HĐQT | 08/4/2022 | Thông nhất gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022 | 100% |
| 11 | Số 12/NQ-HĐQT | 18/5/2022 | Thông nhất chi bổ sung tiền cho công tác phối hợp rà soát sổ bộ, triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; hỗ trợ phòng an ninh kinh tế Công an tỉnh phân hữu cơ trong chương trình tình nguyện hướng về cơ sở tại xã Tả Củ Tỷ, huyện Bắc Hà | 100% |
| 12 | Số 14/NQ-HĐQT | 13/6/2022 | Thông nhất chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền cho các Cổ đông; triển khai Kế hoạch thăm quan, nghỉ mát năm 2022; cho thuê một phần trụ sở XN Môi trường Sa Pa làm dịch vụ lưu trú; ban hành quy định lựa chọn nhà thầu; sửa chữa, cải tạo một số hạng mục tại các phòng làm việc của Ban lãnh đạo và Hội trường tầng 2 của trụ sở Công ty. | 100% |
| 13 | Số 15/NQ-HĐQT | 18/7/2022 | Thông nhất bổ nhiệm Giám đốc công ty; phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT công ty | 100% |
| 14 | Số 16/NQ-HĐQT | 04/8/2022 | Thông nhất chi 43.400.000 đồng để tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” (điểm) năm 2022 | 100% |
| 15 | Số 17/NQ-HĐQT | 04/10/2022 | Thông nhất ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty; ban hành Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty; | 100% |

| | | | | |
|----------|----------------------------|------------|--|------|
| | | | phương án cho thuê một phần diện tích để kinh doanh dịch vụ lưu trú tại trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa | |
| 16 | Số 18/NQ-HĐQT | 11/11/2022 | Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt là đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty; Chi tiền trang phục bằng tiền mặt năm 2022 cho Người quản lý doanh nghiệp, lãnh đạo, nhân viên thừa hành nghiệp vụ tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty với mức chi: 5.000.000 đồng/người/năm x 64 người = 320.000.000 đồng; hỗ trợ 30.000.000 đồng cho xã Bản Liên, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai trong chương trình giúp đỡ xã xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững năm 2022 | 100% |
| 17 | Số 19/NQ-HĐQT | 31/12/2022 | Thống nhất trích quỹ phúc lợi chi trả tiền bồi thường cho thân nhân ông Phạm Văn Thành – Sinh năm 1980 là công nhân Xí nghiệp Xử lý rác thải thành phố Lào Cai – Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai bị chết do tai nạn lao động ngày 26/01/2022 với tổng số tiền còn lại phải chi trả là: 115.182.500 đồng | 100% |
| B | Quyết định của HĐQT | | | |
| 1 | Số 04/QĐ-HĐQT | 11/01/2022 | Quyết định trích quỹ phúc lợi thăm hỏi Người lao động bị tai nạn lao động | 100% |
| 2 | Số 05/QĐ-HĐQT | 17/01/2022 | Quyết định về việc trích quỹ phúc lợi phục vụ tết Nguyên đán Nhâm dần 2022 | 100% |
| 3 | Số 06/QĐ-HĐQT | 18/01/2022 | Quyết định trích kinh phí hỏi thăm, tặng quà dịp tết Nguyên đán Nhâm dần 2022 cho xã Bản Liên, huyện Bắc Hà | 100% |
| 4 | Số 17/QĐ-HĐQT | 25/3/2022 | Quyết định trích quỹ phúc lợi hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông Phạm Văn Thành bị chết do tai nạn lao động ngày 26/01/2022 | 100% |
| 5 | Số 21/QĐ-HĐQT | 01/4/2022 | Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai | 100% |
| 6 | Số 20/QĐ-HĐQT | 01/4/2022 | Quyết định về việc ban hành Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị | 100% |

| | | | | |
|----|---------------|-----------|--|------|
| | | | tỉnh Lào Cai | |
| 7 | Số 27/QĐ-HĐQT | 21/4/2022 | Quyết định trích quỹ phúc lợi thăm hỏi người lao động bị tai nạn bà Hoàng Thị Hạnh Công nhân Xí nghiệp Công viên Cây xanh | 100% |
| 8 | Số 28/QĐ-HĐQT | 26/4/2022 | Quyết định trích quỹ phúc lợi để thăm, động viên người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong Tháng công nhân năm 2022 | 100% |
| 9 | Số 36/QĐ-HĐQT | 18/5/2022 | Quyết định về việc chi trả thù lao cho cán bộ xã, phường và Tổ trưởng Tổ dân phố trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị xã Sa Pa, huyện Bắc Hà, huyện Bát Xát trong việc phối hợp thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt năm 2022 | 100% |
| 10 | Số 35/QĐ-HĐQT | 18/5/2022 | Quyết định về việc hỗ trợ 15 tấn phân Hữu cơ Lào Cai cho phòng An ninh Kinh tế - Công an tỉnh Lào Cai trong chương trình tình nguyện hướng về cơ sở | 100% |
| 11 | Số 40/QĐ-HĐQT | 03/6/2022 | Quyết định chi trả tiền thưởng cho Người quản lý công ty năm 2021 | 100% |
| 12 | Số 42/QĐ-HĐQT | 13/6/2022 | Quyết định về việc tổ chức đoàn CBCNV đi thăm quan, nghỉ mát đợt 1 năm 2022 | 100% |
| 13 | Số 44/QĐ-HĐQT | 17/6/2022 | Quyết định về việc tổ chức đoàn CBCNV đi thăm quan, nghỉ mát đợt 2 năm 2022 | 100% |
| 14 | Số 45/QĐ-HĐQT | 22/6/2022 | Quyết định về việc tổ chức đoàn CBCNV đi thăm quan, nghỉ mát đợt 3 năm 2022 | 100% |
| 15 | Số 46/QĐ-HĐQT | 01/7/2022 | Quyết định về việc tổ chức đoàn CBCNV đi thăm quan, nghỉ mát 4 năm 2022 | 100% |
| 16 | Số 51/QĐ-HĐQT | 05/7/2022 | Quyết định về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Lắp đặt bảng Led hội trường Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai | 100% |
| 17 | Số 52/QĐ-HĐQT | 06/7/2022 | Quyết định phê duyệt E-HSMT Gói thầu: Lắp đặt bảng Led hội trường Công ty CP Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai | 100% |
| 18 | Số 53/QĐ-HĐQT | 14/7/2022 | Quyết định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu: lắp đặt bảng Led hội trường công ty | 100% |

| | | | | |
|----|----------------|------------|--|------|
| 19 | Số 54/QĐ-HĐQT | 15/7/2022 | Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Lắp đặt bảng Led hội trường công ty | 100% |
| 20 | Số 58/QĐ-HĐQT | 18/7/2022 | Quyết định bổ nhiệm ông Trần Quang Toàn làm Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai | 100% |
| 21 | Số 61/QĐ-HĐQT | 27/7/2022 | Quyết định chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền cho các Cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai | 100% |
| 22 | Số 76A/QĐ-HĐQT | 30/9/2022 | Quyết định về việc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở các xí nghiệp, điểm tập kết rác Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai năm 2022 | 100% |
| 23 | Số 79/QĐ-HĐQT | 11/10/2022 | Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty | 100% |
| 24 | Số 81/QĐ-HĐQT | 20/10/2022 | Quyết định phê duyệt phương án cho thuê một phần diện tích để kinh doanh dịch vụ lưu trú tại trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa | 100% |
| 25 | Số 89/QĐ-HĐQT | 11/11/2022 | Quyết định về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Nâng cấp, cải tạo sửa chữa đường nội bộ, nhà quản trang nghĩa trang Vạn Hòa, nghĩa trang Thống Nhất thành phố Lào Cai năm 2022 | 100% |
| 26 | Số 87/QĐ-HĐQT | 16/11/2022 | Quyết định hỗ trợ xã Bản Liên, huyện Bắc Hà trong chương trình giúp đỡ xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững năm 2022 | 100% |
| 27 | Số 90/QĐ-HĐQT | 18/11/2022 | Quyết định về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục: Xây dựng, cải tạo xưởng cơ khí sửa chữa năm 2022 | 100% |
| 28 | Số 88A/QĐ-HĐQT | 21/11/2022 | Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Chính trang, trồng cây xanh phục vụ Festival "Tinh hoa Tây Bắc - Hương sắc Lào Cai" | 100% |
| 29 | Số 91/QĐ-HĐQT | 28/11/2022 | Quyết định về việc chi tiền trang phục năm 2022 bằng tiền mặt cho Người quản lý doanh nghiệp, lãnh đạo, nhân | 100% |

| | | | | |
|----|---------------|------------|--|------|
| | | | viên thừa hành nghiệp vụ tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty | |
| 30 | Số 97/QĐ-HĐQT | 31/12/2022 | Quyết định trích quỹ phúc lợi chi trả tiền bồi thường cho thân nhân ông Phạm Văn Thành bị chết do tai nạn lao động ngày 26/01/2022 | 100% |

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Chức vụ hiện nay | Trình độ chuyên môn | Số cổ phần có quyền biểu quyết | | | Tỷ lệ % |
|----|-------------------|---------------------|------------------|----------------------------|--------------------------------|------------|------------------|---------|
| | | | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | | | CP cá nhân | Cổ phần Nhà nước | |
| 1 | Đào Thị Minh Thủy | 05/7/1978 | Trưởng BKS | Cử nhân Kinh tế | 9.000 | 9.000 | | 0,22 |
| 2 | Cao Xuân Hoàng | 01/12/1978 | Thành viên BKS | KS Lâm nghiệp; KS Xây dựng | 20.016 | 20.016 | | 0,48 |
| 3 | Lê Thị Thuận | 19/5/1978 | Thành viên BKS | Cử nhân Kinh tế | 5.400 | 5.400 | | 0,12 |

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp.

| STT | Thành viên Ban Kiểm soát | Số buổi tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------------|-----------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Bà Đào Thị Minh Thủy | 04/04 | 100% | 100% | |
| 2 | Ông Cao Xuân Hoàng | 04/04 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Lê Thị Thuận | 04/04 | 100% | 100% | |

Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát HĐQT, giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật. Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội

đồng cổ đông thường niên hàng năm và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính năm của Công ty: Giám sát Ban điều hành thực hiện công tác tài chính; giám sát báo cáo tài chính năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm soát chi phí, doanh thu, thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định.

* Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty.

BKS đã chủ động trao đổi thống nhất với HĐQT, Ban Giám đốc về các nội dung, kế hoạch kiểm tra giám sát theo đúng chức năng nhiệm vụ. Ban Kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp Giao ban của Ban Giám đốc công ty.

HĐQT và Ban Giám đốc công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoạt động theo đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc công ty hoạt động luôn quan tâm đến quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, tạo điều kiện thuận lợi để các cổ đông thực hiện quyền của mình, giải quyết kịp thời những ý kiến, đề xuất của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

a) Tiền lương, thù lao, các khoản lợi ích

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tiền lương, thù lao năm 2022 | Ghi chú |
|-----|-----------------|---|------------------------------|---------|
| 1 | Ngô Văn Trường | Chủ tịch HĐQT | 518.112.000 | |
| 2 | Trần Quang Toàn | Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty | 498.916.800 | |
| 3 | Hoàng Văn Phụng | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty | 441.331.200 | |
| 4 | Phạm Văn Tiên | Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc công ty | 441.331.200 | |
| 5 | Đặng Văn Giáp | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng công ty | 402.969.600 | |
| 6 | Phạm Văn Tân | Thù lao thành viên HĐQT không điều hành | 67.334.400 | |
| 7 | Đặng Anh Tuấn | Thù lao thành viên HĐQT không điều hành | 67.334.400 | |

| | | | | |
|----|-------------------|---|-------------|--|
| 8 | Đào Thị Minh Thủy | Trưởng Ban Kiểm soát | 441.331.200 | |
| 9 | Cao Xuân Hoàng | Thù lao thành viên BKS không chuyên trách | 50.500.800 | |
| 10 | Lê Thị Thuận | Thù lao thành viên BKS không chuyên trách | 50.500.800 | |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty (trích trong Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 06/3/2022 của Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt): “Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính”.

2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán

Toàn văn Báo cáo Tài chính năm 2022 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt và được đăng tải chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: Website: <https://moitruongdothilaocai.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/> vào ngày 09/3/2023./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- SGDCK Hà Nội;
- HĐQT, BKS, BGĐ công ty;
- Website Công ty (Đăng tải);
- Lưu: VT, HĐQT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT**



Ngô Văn Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
TỈNH LÀO CAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| <u>Nội dung</u> | <u>Trang</u> |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Lãnh đạo | 2-4 |
| Báo cáo kiểm toán | 5-6 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 7-35 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i> | <i>7-10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022</i> | <i>12-13</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022</i> | <i>14-35</i> |



BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 04/4/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 462/CP, Mã số doanh nghiệp 5300133049, đăng ký lần đầu ngày 15/9/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10/6/2021; ngày 12/12/2016 Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 189/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 4.171.175 cổ phiếu. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 05 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 05 số 5300133049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 10 tháng 6 năm 2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05: 41.711.750.000 VNĐ.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2022: 41.711.750.000 VND

| Cổ đông | Vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------------|------------------|
| Vốn nhà nước do Ông Ngô Văn Trường làm đại diện | 21.272.990.000 | 51,00% |
| Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị môi trường Hiệp Hòa | 2.919.820.000 | 7,00% |
| Các cổ đông khác | 17.518.940.000 | 42,00% |
| Cộng | 41.711.750.000 | 100% |

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Điện thoại : 02143841038
 Fax : 02143841038
 Email : moitruonglaocai@gmail.com
 Website : <https://www.moitruongdothilaocai.com.vn>
 Mã số thuế : 53 00 13 34 9

Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải;
- Vệ sinh nhà cửa, công trình cảnh quan;
- Duy trì, quản lý các công trình công cộng như công viên, cây xanh đô thị, rừng, điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước đô thị;
- Nghĩa trang, dịch vụ tang lễ;
- Bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật các khu đô thị, nhà cao tầng;
- Xây dựng cải tạo, sửa chữa các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước;
- Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới < 35KV, hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, thiết kế các công trình điện chiếu sáng công cộng, cây xanh đô thị, rừng;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, khai thác chế biến lâm sản, nuôi trồng thủy sản, xuất nhập khẩu hàng hoá, phương tiện, thiết bị, vật tư, phân bón.../.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 35).

Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|----------|
| Ông Ngô Văn Trường | Chủ tịch |
| Ông Phạm Văn Tân | Ủy viên |
| Ông Trần Quang Toàn | Ủy viên |
| Ông Hoàng Văn Phụng | Ủy viên |
| Ông Đặng Văn Giáp | Ủy viên |
| Ông Phạm Văn Tiên | Ủy viên |
| Ông Đặng Anh Tuấn | Ủy viên |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ |
|----------------------|------------|
| Bà Đào Thị Minh Thủy | Trưởng ban |
| Ông Cao Xuân Hoàng | Thành viên |
| Bà Lê Thị Thuận | Thành viên |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|--------------|
| Ông Trần Quang Toàn | Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Tiên | Phó Giám đốc |
| Ông Hoàng Văn Phụng | Phó Giám đốc |

Bổ nhiệm ngày 18/7/2022

Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ |
|-------------------|----------------|
| Ông Đặng Văn Giáp | Kế toán trưởng |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau: Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Lào Cai, Ngày 06 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Lãnh đạo,

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Văn Trường

Số : 2411.01/2022/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai, được lập ngày 06 tháng 03 năm 2023 từ trang 07 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2018-124-1



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 70.840.388.654 | 56.239.935.114 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 28.640.024.287 | 17.971.394.157 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.627.979.568 | 4.971.394.157 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 25.012.044.719 | 13.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 39.077.480.750 | 35.311.769.280 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 38.216.804.506 | 31.520.655.279 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 198.650.803 | 374.598.641 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 662.025.441 | 3.416.515.360 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 3.122.883.617 | 2.956.771.677 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 3.122.883.617 | 2.956.771.677 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | - |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 23.864.669.571 | 27.671.914.051 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 22.598.949.051 | 26.655.380.490 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.6 | 22.598.949.051 | 26.655.380.490 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 63.620.257.981 | 63.324.307.886 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (41.021.308.930) | (36.668.927.396) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 19.143.150 | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.7 | 19.143.150 | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.246.577.370 | 1.016.533.561 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 1.246.577.370 | 1.016.533.561 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 94.705.058.225 | 83.911.849.165 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 38.151.872.285 | 31.152.239.631 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 38.151.872.285 | 31.152.239.631 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 3.953.680.397 | 6.435.770.163 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.10 | 114.388.819 | 76.720.000 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 2.425.781.963 | 3.099.419.638 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 22.883.195.089 | 17.780.865.133 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 148.721.421 | 509.227.601 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.13 | 5.000.000.000 | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 3.626.104.596 | 3.250.237.096 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 56.553.185.940 | 52.759.609.534 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 56.553.185.940 | 52.759.609.534 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 41.711.750.000 | 41.711.750.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 41.711.750.000 | 41.711.750.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 3.849.232.034 | 1.560.348.015 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 10.992.203.906 | 9.487.511.519 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | - |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 10.992.203.906 | 9.487.511.519 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 94.705.058.225 | 83.911.849.165 |

Người lập biểu



Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Văn Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------------|----------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 143.973.626.591 | 129.909.359.228 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 30.049.090 | 176.411.383 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 143.943.577.501 | 129.732.947.845 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 121.388.548.508 | 109.881.969.892 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 22.555.028.993 | 19.850.977.953 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 506.742.936 | 508.063.615 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | - | 109.190.105 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | 109.190.105 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 10.296.069.087 | 9.145.454.612 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 12.765.702.842 | 11.104.396.851 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 35.333.344 | 12.818.169 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 81.144.437 | 77.908.047 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (45.811.093) | (65.089.878) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 12.719.891.749 | 11.039.306.973 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.8 | 1.740.663.581 | 1.551.795.454 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>10.979.228.168</u> | <u>9.487.511.519</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>1.956,57</u> | <u>1.848,75</u> |

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Hương

Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Văn Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|----------------|-----------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 12.719.891.749 | 11.039.306.973 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 4.352.381.534 | 3.984.964.342 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (506.742.936) | (508.063.615) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | 109.190.105 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 16.565.530.347 | 14.625.397.805 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (3.765.711.470) | 12.871.029.322 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (166.111.940) | (170.153.177) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 1.900.091.400 | 1.926.962.881 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (230.043.809) | (472.020.632) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (109.190.105) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (2.032.962.138) | (500.161.998) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 42.480.000 | 19.900.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.442.712.500) | (15.691.800.484) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 10.870.559.890 | 12.499.963.612 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (315.093.245) | (4.888.310.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 506.742.936 | 508.063.615 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 191.649.691 | (4.380.246.385) |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-----------|----------------|-----------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 5.000.000.000 | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | (8.677.359.328) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (5.393.579.451) | (6.390.837.171) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (393.579.451) | (15.068.196.499) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 10.668.630.130 | (6.948.479.272) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 17.971.394.157 | 24.919.873.429 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 28.640.024.287 | 17.971.394.157 |

Người lập biểu



Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng



Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Văn Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần

2. **Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:**

- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải;
- Vệ sinh nhà cửa, công trình cảnh quan;
- Duy trì, quản lý các công trình công cộng như công viên, cây xanh đô thị, rừng, điện chiếu sáng công cộng, hệ thống thoát nước đô thị;
- Nghĩa trang, dịch vụ tang lễ;
- Bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật các khu đô thị, nhà cao tầng;
- Xây dựng cải tạo, sửa chữa các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước;
- Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới < 35KV, hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, thiết kế các công trình điện chiếu sáng công cộng, cây xanh đô thị, rừng;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, khai thác chế biến lâm sản, nuôi trồng thủy sản, xuất nhập khẩu hàng hoá, phương tiện, thiết bị, vật tư, phân bón..../.

3. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

4. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2021

5. **Nhân viên:**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 603 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 604 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 08 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 |

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 13/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 5 năm 2022. Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Lào Cai thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền cho Cổ đông với số tiền 5.422.527.500 VND.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng loại hình sản xuất kinh doanh như sau:

| | Thuế suất |
|-------------------------------|-----------|
| Vệ sinh môi trường, xử lý rác | 10% |
| Các loại hình khác | 20% |

18. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 250.270.800 | 602.626.100 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.377.708.768 | 4.368.768.057 |
| Các khoản tương đương tiền | 25.012.044.719 | 13.000.000.000 |
| <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (1)</i> | <i>25.012.044.719</i> | <i>13.000.000.000</i> |
| Cộng | <u>28.640.024.287</u> | <u>17.971.394.157</u> |

- (1) Trong đó có sổ tiết kiệm số 26072022/HĐTĐG/NHNo-KTNQ thời hạn 3 tháng với lãi suất là 4,6%/năm của công ty với số tiền là 5.060.934.000 VND được phát hành và thế chấp tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thông Việt Nam – CN Kim Tân Lào Cai II. (Xem thuyết minh V.13)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bắc Hà | 776.668.000 | 2.370.626.900 |
| Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Bát Xát | 1.781.529.238 | 1.770.044.538 |
| Phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai | 26.373.656.726 | 18.954.207.830 |
| Phòng Quản lý đô thị thị xã SaPa | 2.590.318.278 | 673.161.645 |
| Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam-CTCP | 1.059.659.000 | 1.359.659.000 |
| Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai | 1.112.651.510 | 2.284.139.000 |
| Các khách hàng khác | 4.522.321.754 | 4.108.816.366 |
| Cộng | <u>38.216.804.506</u> | <u>31.520.655.279</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Công ty Cổ phần vườn Hoàn Thiện | - | 120.000.000 |
| Trung tâm Giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VIETCERT | 90.000.000 | 90.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 108.650.803 | 164.598.641 |
| Cộng | <u>198.650.803</u> | <u>374.598.641</u> |

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------|---------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Tạm ứng | 58.977.700 | - | 127.561.700 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 603.047.741 | - | 3.288.953.660 | - |
| Cộng | <u>662.025.441</u> | <u>-</u> | <u>3.416.515.360</u> | <u>-</u> |

5. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.641.305.326 | 2.456.417.759 |
| Công cụ, dụng cụ | 299.654.413 | 378.656.004 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 181.923.878 | 121.697.914 |
| Cộng | <u>3.122.883.617</u> | <u>2.956.771.677</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | 20.291.751.179 | 5.243.518.423 | 37.735.438.284 | 53.600.000 | 63.324.307.886 |
| Số đầu năm | - | 91.260.000 | - | 82.520.800 | 173.780.800 |
| Tăng do mua sắm mới | - | - | - | 122.169.295 | 122.169.295 |
| Tăng từ xây dựng cơ bản | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 20.291.751.179 | 5.334.778.423 | 37.735.438.284 | 258.290.095 | 63.620.257.981 |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 16.417.512.542

Giá trị hao mòn

| | | | | | |
|--------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 7.677.434.210 | 4.182.090.459 | 24.755.802.727 | 53.600.000 | 36.668.927.396 |
| Khấu hao trong năm | 1.040.141.931 | 364.353.530 | 2.936.760.939 | 11.125.134 | 4.352.381.534 |
| Số cuối năm | 8.717.576.141 | 4.546.443.989 | 27.692.563.666 | 64.725.134 | 41.021.308.930 |

Giá trị còn lại

| | | | | | |
|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 12.614.316.969 | 1.061.427.964 | 12.979.635.557 | - | 26.655.380.490 |
| Số cuối năm | 11.574.175.038 | 788.334.434 | 10.042.874.618 | 193.564.961 | 22.598.949.051 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển sang chi phí trả trước | Số cuối năm |
|--|------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | - | 122.169.295 | (122.169.295) | - | - |
| Lắp đặt bảng Led hội trường Công ty CP Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai | - | 122.169.295 | (122.169.295) | - | - |
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 281.775.126 | - | (262.631.976) | 19.143.150 |
| Bảo vệ vườn ươm Thành Phố Lào Cai | - | 29.858.370 | - | (29.858.370) | - |
| Xây dựng cải tạo các Xi nghiệp, diêm tập kết rác năm 2022; Ga rác số 1 Nam Cường; Ga rác Duyên Hải; XN xử lý rác; Nhà kho, nhà để xe XN Bắc Hà | - | 60.257.436 | - | (60.257.436) | - |
| Xây dựng cải tạo xưởng cơ khí sửa chữa năm 2022 (Lắp dựng mái cầu sửa xe; mái nhà kho, nhà xe, nhà làm việc) | - | 68.210.536 | - | (68.210.536) | - |
| Nâng cấp đường bê tông nghĩa trang Thông Nhất | - | 79.240.850 | - | (79.240.850) | - |
| Nâng cấp đường bê tông nghĩa trang Vạn Hòa | - | 25.064.784 | - | (25.064.784) | - |
| Nhà để dầu thoi - Xưởng Cơ khí | - | 19.143.150 | - | - | 19.143.150 |
| Cộng | - | 403.944.421 | (122.169.295) | (262.631.976) | 19.143.150 |

H' H' V'

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Công cụ dụng cụ | 728.897.053 | 582.126.468 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 517.680.317 | 434.407.093 |
| Cộng | <u>1.246.577.370</u> | <u>1.016.533.561</u> |

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoa cây cảnh Vỹ Khê | 63.000.000 | 397.047.000 |
| Bệnh viện nội tiết Lào Cai | 129.926.700 | - |
| Doanh nghiệp tư nhân Cường Thoa | 155.714.400 | 80.860.000 |
| Công ty TNHH một thành viên Môi trường Công nghiệp Hoàng Yên | 234.230.000 | 100.663.000 |
| Bà Nguyễn Thị Kha | 565.971.484 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Trường Sơn | 753.096.000 | 1.403.096.000 |
| Ông Trịnh Xuân Hưng | - | 500.958.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.051.741.813 | 3.953.146.163 |
| Cộng | <u>3.953.680.397</u> | <u>6.435.770.163</u> |

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH MTV Môi trường Sơn La | 41.000.000 | 41.000.000 |
| Công ty Tuấn Vũ | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Các khách hàng khác | 58.388.819 | 20.720.000 |
| Cộng | <u>114.388.819</u> | <u>76.720.000</u> |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|--------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phát sinh tăng</u> | <u>Phát sinh giảm</u> | <u>Phải nộp</u> | |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.716.002.274 | 6.931.670.187 | (7.308.193.856) | 1.339.478.605 | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.352.918.766 | 1.740.663.581 | (2.032.962.138) | 1.060.620.209 | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 30.498.598 | 403.854.037 | (408.669.486) | 25.683.149 | |
| Các loại thuế khác | - | 3.000.000 | (3.000.000) | - | |
| Cộng | <u>3.099.419.638</u> | <u>9.079.187.805</u> | <u>(9.752.825.480)</u> | <u>2.425.781.963</u> | |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình dịch vụ như sau:

| | |
|--|-----------------|
| Duy trì công viên, cây xanh đường phố, dịch vụ tang lễ | Không chịu thuế |
| Các hoạt động khác | 10% |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng loại hình sản xuất kinh doanh như sau:

| | |
|-------------------------------|-----|
| Vệ sinh môi trường, xử lý rác | 10% |
| Các loại hình khác | 20% |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Kinh phí công đoàn | - | 389.403.116 |
| Phải trả tiền cổ tức | 69.179.024 | 40.230.975 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 79.542.397 | 79.593.510 |
| Cộng | <u>148.721.421</u> | <u>509.227.601</u> |

13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | | | | |
| <i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Kim Tân Lào Cai II</i> | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 | - | - |
| (1) | | | | |
| Cộng | <u>5.000.000.000</u> | <u>5.000.000.000</u> | <u>-</u> | <u>-</u> |

(1) Là khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kim Tân Lào Cai II theo hợp đồng Tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm số 8810-LAV202201219 ngày 19/12/2022. Số tiền cho vay là 5.000.000.000 VNĐ. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,1%/năm. Thời hạn cho vay từ ngày 19/12/2022 đến ngày 26/01/2023. Mục đích sử dụng vốn vay để chi trả tiền lương năm 2022. Tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm số 26072022/HĐTG/NHNo-KTNQ thời hạn 3 tháng với lãi suất là 4,6%/năm của công ty, giá trị tài sản đảm bảo là 5.060.934.000 VNĐ được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Kim Tân Lào Cai II.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

| | <u>Số tiền vay trong</u> | | |
|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>Số đầu năm</u> | <u>năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
| Vay ngắn hạn đến hạn trả | - | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>5.000.000.000</u> | <u>5.000.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Tăng khác</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|---|--------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 2.332.148.643 | 832.550.000 | 42.480.000 | (459.080.000) | 2.748.098.643 |
| Quỹ phúc lợi | 918.088.453 | 832.550.000 | - | (872.632.500) | 878.005.953 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | - | 111.000.000 | - | (111.000.000) | - |
| Cộng | <u>3.250.237.096</u> | <u>1.776.100.000</u> | <u>42.480.000</u> | <u>(1.442.712.500)</u> | <u>3.626.104.596</u> |

Năm 2022, Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 5 năm 2022. Tổng số tiền là 1.776.100.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm trước | 41.711.750.000 | 88.598.136.406 | 1.010.147.233 | 9.170.013.027 | 140.490.046.666 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 9.487.511.519 | 9.487.511.519 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 550.200.782 | (2.751.003.908) | (2.200.803.126) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | (6.419.009.119) | (6.419.009.119) |
| Tặng/Giảm khác | - | (88.598.136.406) | - | - | (88.598.136.406) |
| Số dư cuối năm trước | 41.711.750.000 | - | 1.560.348.015 | 9.487.511.519 | 52.759.609.534 |
| Số dư đầu năm nay | 41.711.750.000 | - | 1.560.348.015 | 9.487.511.519 | 52.759.609.534 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 10.979.228.168 | 10.979.228.168 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 2.288.884.019 | (4.064.984.019) | (1.776.100.000) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | (5.422.527.500) | (5.422.527.500) |
| Tặng/Giảm khác | - | - | - | 12.975.738 | 12.975.738 |
| Số dư cuối năm nay | 41.711.750.000 | - | 3.849.232.034 | 10.979.228.168 | 56.553.185.940 |

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 5 năm 2022. Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Lào Cai thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021 như sau:

+ Quỹ đầu tư phát triển: 2.228.884.019 VND

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.776.100.000 VND trong đó

- Quỹ tiền thưởng của người quản lý: 111.000.000 VND

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động: 1.665.100.000 VND

- Chi trả cổ tức với tỷ lệ 13%/cổ phiếu tương đương với số tiền là 5.422.527.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Vốn nhà nước do Ông Ngô Văn Trường làm đại diện | 21.272.990.000 | 21.272.990.000 |
| Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa | 2.919.820.000 | 2.919.820.000 |
| Cá nhân khác | 17.518.940.000 | 17.518.940.000 |
| Cộng | <u>41.711.750.000</u> | <u>41.711.750.000</u> |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 4.171.175 | 4.171.175 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 4.171.175 | 4.171.175 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4.171.175 | 4.171.175 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 4.171.175 | 4.171.175 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 4.171.175 | 4.171.175 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tổng doanh thu | 143.973.626.591 | 129.909.359.228 |
| + Doanh thu cung cấp dịch vụ | 143.973.626.591 | 129.909.359.228 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (30.049.090) | (176.411.383) |
| + Giảm giá dịch vụ cung cấp | (30.049.090) | (176.411.383) |
| Doanh thu thuần | <u>143.943.577.501</u> | <u>129.732.947.845</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 121.388.548.508 | 109.881.969.892 |
| Cộng | <u>121.388.548.508</u> | <u>109.881.969.892</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi | 506.742.936 | 508.063.615 |
| Cộng | <u>506.742.936</u> | <u>508.063.615</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------|----------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | - | 109.190.105 |
| Cộng | - | 109.190.105 |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 6.832.187.274 | 6.293.822.599 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 440.821.518 | 430.210.907 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 143.358.465 | 166.017.671 |
| Thuế, phí và lệ phí | 292.250.464 | 454.266.773 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 479.206.186 | 569.964.291 |
| Các chi phí khác | 2.108.245.180 | 1.231.172.371 |
| Cộng | 10.296.069.087 | 9.145.454.612 |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| Tiền phòng ở tập thể | 13.333.344 | 12.818.169 |
| Thu nhập khác | 22.000.000 | - |
| Cộng | 35.333.344 | 12.818.169 |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí ủng hộ | 41.000.000 | 70.000.000 |
| Phạt truy thu, chậm nộp thuế | 24.394.437 | - |
| Chi phí khác | 15.750.000 | 7.908.047 |
| Cộng | 81.144.437 | 77.908.047 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.719.891.749 | 11.039.306.973 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 12.719.891.749 | 11.039.306.973 |
| Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 10% | 8.076.481.409 | 6.560.659.408 |
| Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 20% | 4.643.410.340 | 4.478.647.565 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi | 10% | 10% |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.736.330.209 | 1.551.795.454 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.736.330.209 | 1.551.795.454 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 4.333.372 | - |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.740.663.581 | 1.551.795.454 |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.979.228.168 | 9.487.511.519 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (2.818.033.000) | (1.776.100.000) |
| | (2.818.033.000) | (1.776.100.000) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 8.161.195.168 | 7.711.411.519 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 4.171.175 | 4.171.175 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.956,57 | 1.848,75 |

(*) Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2022 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 5 năm 2022.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 4.171.175 | 4.171.175 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 4.171.175 | 4.171.175 |

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí theo yếu tố**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 27.713.303.930 | 30.076.292.879 |
| Chi phí công cụ dụng cụ | 2.035.111.872 | 1.390.871.652 |
| Chi phí nhân công | 87.044.463.296 | 78.954.937.536 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.352.381.534 | 3.984.964.342 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.931.301.299 | 2.990.673.453 |
| Chi phí khác | 4.668.281.628 | 1.633.164.827 |
| Cộng | <u>131.744.843.559</u> | <u>119.030.904.689</u> |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và kế toán trưởng Công ty.

Thu nhập Người quản lý công ty chuyên trách và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Ông Phạm Văn Tân | - | 371.772.000 |
| Ông Ngô Văn Trường | 518.112.000 | 492.790.500 |
| Ông Trần Quang Toàn | 498.916.800 | 353.128.000 |
| Ông Hoàng Văn Phụng | 441.331.200 | 428.089.840 |
| Ông Phạm Văn Tiên | 441.331.200 | 221.436.340 |
| Bà Đào Thị Minh Thủy | 441.331.200 | 384.239.000 |
| Ông Đặng Văn Giáp | 402.969.600 | 393.555.840 |
| Cộng | <u>2.743.992.000</u> | <u>2.645.011.520</u> |

Thu nhập thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------|---------------------------|---------------------------|
| Ông Phạm Văn Tân | 67.334.400 | 54.851.000 |
| Ông Bùi Văn Tốt | - | 47.403.000 |
| Ông Trần Quang Toàn | - | 12.876.000 |
| Ông Đặng Anh Tuấn | 67.334.400 | 34.953.000 |
| Ông Phạm Văn Tiên | - | 23.378.000 |
| Ông Cao Xuân Hoàng | 50.500.800 | 26.211.000 |
| Bà Lê Thị Thuận | 50.500.800 | 46.754.000 |
| Cộng | <u>235.670.400</u> | <u>246.426.000</u> |

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Dịch vụ Công ích đô thị và toàn bộ hoạt động kinh doanh của đơn vị diễn ra trên địa bàn Tỉnh Lào Cai. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 5.000.000.000 | - | - | 5.000.000.000 |
| Phải trả người bán | 3.953.680.397 | - | - | 3.953.680.397 |
| Các khoản phải trả khác | 23.031.916.510 | - | - | 23.031.916.510 |
| Cộng | 31.985.596.907 | - | - | 31.985.596.907 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Phải trả người bán | 6.435.770.163 | - | - | 6.435.770.163 |
| Các khoản phải trả khác | 18.290.092.734 | - | - | 18.290.092.734 |
| Cộng | 24.725.862.897 | - | - | 24.725.862.897 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 28.640.024.287 | 17.971.394.157 | 28.640.024.287 | 17.971.394.157 |
| Phải thu khách hàng | 38.216.804.506 | 31.520.655.279 | 38.216.804.506 | 31.520.655.279 |
| Các khoản phải thu khác | 662.025.441 | 3.416.515.360 | 662.025.441 | 3.416.515.360 |
| Cộng | 67.518.854.234 | 52.908.564.796 | 67.518.854.234 | 52.908.564.796 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 5.000.000.000 | - | 5.000.000.000 | - |
| Phải trả người bán | 3.953.680.397 | 6.435.770.163 | 3.953.680.397 | 6.435.770.163 |
| Các khoản phải trả khác | 23.031.916.510 | 18.290.092.734 | 23.031.916.510 | 18.290.092.734 |
| Cộng | 31.985.596.907 | 24.725.862.897 | 31.985.596.907 | 24.725.862.897 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 099, đường Nhạc Sơn, tổ 19, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 06 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Đặng Văn Giáp

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngô Văn Trường